

Số: 137/2025/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Huệ

Thư ký phiên họp: Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 239/2025/TLST-VLĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 114/2025/QĐST-LĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Ông Phạm Trung T, sinh năm 1977; nơi thường trú: Thôn P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng, địa chỉ liên hệ: Số B, khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Trung K, sinh năm 1982; nơi thường trú: Thôn P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

1. Công ty TNHH T1; địa chỉ: khu phố A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội cơ sở L; địa chỉ: Đường N, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết ông Phạm Trung T trình bày:* Trong khoảng thời gian từ năm 2008 đến năm 2024 ông làm việc tại nhiều công ty khác nhau và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số: 7409129643 và số 7408219432. Nay ông T đi làm thủ tục tại Bảo hiểm xã hội thì được B cho biết ông bị trùng thời gian thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 06/2010 đến tháng 9/2010. Nguyên nhân bị trùng bảo hiểm xã hội là do ông cho em trai mượn hồ sơ để làm việc tại Công ty TNHH T1. Quá trình làm việc, ông K được Công ty TNHH T1 tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm xã hội 7410066076. Vì thiếu hiểu biết, nghĩ rằng việc cho mượn hồ sơ để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T1 là không vi phạm gì và chỉ mong muốn cho người thân của mình có công

việc đề trang trải cuộc sống. Vì vậy, ông T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Phạm Trung T và Công ty TNHH T1 là vô hiệu. ông Phạm Trung T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Trung K trình bày:* Ông và ông T có mối quan hệ anh em ruột. Khoảng tháng 06/2010, ông có mượn hồ sơ của ông T để xin vào làm việc tại Công ty TNHH T1 và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 6/2010 đến tháng 09/2010 với số sổ bảo hiểm xã hội là 7410066076. Nay ông thông nhất toàn bộ yêu cầu của ông T và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Phạm Trung T với Công ty TNHH T1 vô hiệu. Ông K không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T1:* Tất cả người lao động khi xin việc tại Công ty TNHH T1 (gọi tắt là Công ty) phải có hồ sơ xin việc, sơ yếu lý lịch đầy đủ và phải có xác nhận của chính quyền địa phương thì mới được nhận vào làm việc tại Công ty. Do người lao động tại công ty rất đông, Công ty căn cứ hồ sơ hợp lệ của người lao động để ký hợp đồng theo quy định. Ngoài ra Công ty không thể xác định được chính xác người lao động có phải đúng nhân thân như hồ sơ hay không bởi vì hình ảnh trên chứng minh nhân dân được cấp thời gian lâu có thể không giống hoàn toàn với người lao động tại thời điểm xin việc. Do đó việc ông T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa ông Phạm Trung T (do người khác giả mạo tên) với Công ty TNHH T1 thì Công ty đồng ý, Công ty không có yêu cầu gì trong vụ việc này và yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

- *Bảo hiểm xã hội cơ sở L (viết tắt là BHXH) trình bày:* Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH T1 cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho ông Phạm Trung T sinh ngày 14/11/1977, số CCCD 250392471, với mã số BHXH 7410066076 có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN vào tháng 06/2010 đến tháng 9/2010 tại Công ty TNHH T1 chưa nhận trợ cấp BHXH một lần và trợ cấp thất nghiệp. Ngoài ra qua tra cứu dữ liệu, BHXH cơ sở Lái Thiêu còn phát hiện ông Phạm Trung T còn có mã số 7409129643 từ tháng 02/2009 đến tháng 07/2009 tại Công ty TNHH P và mã số 7408219432 tại Công ty TNHH C và Công ty TNHH C1 xác nhận đã chốt sổ, chưa nhận trợ cấp BHXH một lần và đã hưởng trợ cấp thất nghiệp. Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa ông Phạm Trung T và Công ty TNHH T1, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- *Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của ông Phạm Trung T là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu ông Phạm Trung T; Phạm Trung K, người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội cơ sở L; Công ty TNHH T1 đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian tháng 06/2010 đến tháng 09/2010, người lao động tên Phạm Trung T giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T1 và được Công ty TNHH T1 tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7410066076. Tuy nhiên, ông T và ông K thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH T1 và thực tế làm việc tại công ty trong khoảng thời gian tháng 06/2010 đến tháng 9/2010 là ông Phạm Trung K.

[2.2] Xét thấy, lời khai của ông T, ông K là phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian tháng 06/2010 đến tháng 09/2010, ông T đang làm việc tại Công ty TNHH B, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số 7408219432. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T1 trong khoảng thời gian tháng 06/2010 đến tháng 09/2010 là ông Phạm Trung K, không phải là ông Phạm Trung T.

Theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: “*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*”. Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*” và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*”. Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: “*Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền*” và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*”. Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L1 thì: “*...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...*”. Do đó, có cơ sở xác định việc ông Phạm Trung K mượn hồ sơ cá nhân của ông Phạm Trung T để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH là 7410066076 vào tháng 06/2010 đến tháng 09/2010 tại Công ty TNHH T1 là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Trung T về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Phạm Trung T với Công ty TNHH T1 theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410066076 bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “*... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”, chấp

nhận yêu cầu của ông Phạm Trung T về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH T1 từ tháng 06/2010 đến tháng 09/2010 là ông Phạm Trung K, không phải là ông Phạm Trung T. Ông T, ông K có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410066076.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Ông Phạm Trung T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Phạm Trung T.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Phạm Trung T với Công ty TNHH T1 (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410066076) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410066076 không phải là ông Phạm Trung T, sinh ngày 14/11/1977, giới tính: Nam, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số 079077024323. Ông Phạm Trung T và ông Phạm Trung K được quyền liên hệ với B có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410066076.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: ông Phạm Trung T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0008343 ngày 08/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Huệ